

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

2018

(Sửa đổi lần thứ 3)

Hà Nội, tháng 04 năm 2018

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

*(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2018 của
Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà)*

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/09/2017.

- Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

b. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

d. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

e. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG 2. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở

hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ công ty

Điều lệ Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tham khảo Điều lệ mẫu tại Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/09/2017 và các văn bản bổ sung, sửa đổi của các quy định trên.

Điều 6. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a. Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều lệ Công ty.

b. Người phụ trách công bố thông tin chịu trách nhiệm công bố quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy trình công bố thông tin của Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền gửi Thông báo thực hiện quyền theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông gửi bản chụp/scan Giấy xác nhận tham dự họp/Ủy quyền dự họp hoặc Ủy quyền dự họp bản giấy theo đường bưu điện trong trường hợp ủy quyền cho thành viên HĐQT/BKS, tới Công ty theo địa chỉ và cách thức ghi trong thông báo/giấy mời họp ít nhất 01 ngày trước ngày khai mạc đại hội.

b. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp xuất trình giấy tờ tùy thân (CMND/CCCD/ hộ chiếu) và nộp lại Giấy xác nhận tham dự họp hoặc Ủy quyền dự họp khi làm thủ tục đăng ký dự họp.

5. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết

a. Nguyên tắc

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Mỗi cổ đông được cấp 01 (một) Thẻ biểu quyết và 01 (một) Phiếu biểu quyết, trong đó ghi Mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của cổ đông. Phiếu biểu quyết ghi các nội dung trong chương trình họp cần xin ý kiến, đã được thông báo trong Giấy mời/Thông báo mời họp và các nội dung bổ sung vào chương trình nghị sự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cùng ý kiến biểu quyết tương ứng với từng nội dung xin ý kiến. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Đối với những vấn đề mà cổ đông, người được ủy quyền dự họp là người có lợi ích liên quan không thuộc các quyền lợi của cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty, cổ đông, người được ủy quyền dự họp không tham gia biểu quyết. Số phiếu biểu quyết do các cổ đông dự họp nắm giữ, số phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp không được tính vào tổng số phiếu biểu quyết đối với vấn đề mà các cổ đông, người được ủy quyền dự họp có lợi ích liên quan được đưa ra xin ý kiến.

b. Cách thức biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Đối với các nội dung liên quan đến thủ tục tổ chức Đại hội, cổ đông biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết. Kết quả được thông báo và được ghi rõ trong biên bản đại hội. Đối với các nội dung cần xin ý kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các cổ đông đồng ý thông qua thì đồng thời ***đánh dấu vào ô tương ứng*** trên Phiếu biểu quyết và đưa cho thành viên Ban kiểm phiếu thu nhận ý kiến biểu quyết.

- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông *không đồng ý, không có ý kiến* sẽ lần lượt được kiểm phiếu.

c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu bầu cử

a. Phiếu bầu cử

Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông đến dự Đại hội sẽ được phát một "**Phiếu bầu cử thành viên HĐQT**" và/hoặc một "**Phiếu bầu cử thành viên BKS**" ứng với số cổ phần mà cổ đông/đại diện cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện dùng để bầu thành viên HĐQT, BKS.

Phiếu bầu cử hợp lệ

- Phiếu do Ban tổ chức phát hành;
- Phiếu bầu đến tối đa số thành viên HĐQT, BKS trong danh sách đề cử và/hoặc ứng cử đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu không tẩy, xóa, sửa chữa nội dung phiếu bầu (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ hoặc phải có xác nhận của Ban tổ chức).

Phiếu bầu cử không hợp lệ

- Phiếu không do Ban tổ chức phát hành;
- Phiếu có tẩy, xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT, BKS quy định đã được Đại hội thông qua; Tổng cộng số phiếu bầu cho những ứng cử viên đó của cổ đông/đại diện cổ đông vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký tham dự Đại hội;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.

Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu bầu cử.

b. Cách thức bầu cử

Khi được phát Phiếu bầu cử, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của phiếu được phát. Nếu số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông không bằng với số cổ phần của cổ đông/đại diện cổ đông đó sở hữu/đại diện. Cổ đông/đại diện cổ đông phải thông báo lại cho Ban Kiểm phiếu để kiểm tra và xác nhận chính xác.

Việc bầu Thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên với điều kiện tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phân bổ.

Mỗi phiếu bầu có để chỗ trống để ghi tên các ứng cử viên hoặc in tên sẵn đối với các ứng viên đã được xác định trước khi in phiếu, để bầu vào HĐQT, BKS. Cổ đông/đại diện cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi tên người mà mình tín nhiệm trong danh sách từng ứng cử viên đã được đại hội thông qua cùng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và bỏ Phiếu bầu cử vào hòm phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu cử mới.

Ví dụ cụ thể về cách bầu dồn phiếu:

Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần.

Số Thành viên HĐQT được bầu là 03 người.

Tổng số phiếu bầu Thành viên HĐQT của cổ đông Nguyễn văn A là: $1.000 \times 3 = 3.000$ phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn văn A có thể thực hiện bầu cho Thành viên HĐQT bằng cách: Chia 3.000 phiếu bầu cho các ứng viên mà mình lựa chọn vào ô phiếu bầu trong tổng số phiếu bầu của mình hoặc dồn cả 3.000 phiếu bầu trên để bầu cho 01 ứng cử viên mà mình lựa chọn.

c. Kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Ban kiểm phiếu không được gạch, xóa hoặc sửa chữa trên phiếu bầu.

Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Nguyên tắc trúng cử:

i. Ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT/BKS khi đạt tỷ lệ % số phiếu bầu cao nhất cho đến đủ số thành viên đã đề ra (tỷ lệ % số phiếu bầu được lấy từ cao xuống thấp cho đủ số thành viên đối với HĐQT/BKS);

ii. Đạt tỷ lệ từ 51% tổng số phiếu bầu tham dự đại hội trở lên.

Cách tính: tổng số phiếu bầu được bầu cho ứng viên đó làm tử số và tổng số phiếu bầu hợp lệ của toàn bộ cổ đông/đại diện cổ đông dự họp bầu cử chia cho số thành viên HĐQT/BKS được bầu làm mẫu số. Ứng cử viên đạt từ 51% trở lên sẽ trúng cử vào HĐQT/BKS với điều kiện xét theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu cổ cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

Nếu kết quả bầu cử lần một không chọn đủ số thành viên HĐQT/BKS theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu cử bổ sung lần hai đối với các ứng cử viên chưa đạt ở lần một, cách thức bầu bổ sung lần hai sẽ do Đại hội quyết định. Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên HĐQT/BKS theo yêu cầu thì HĐQT/BKS sẽ chỉ gồm các thành viên đã trúng cử trong hai lần bầu cử nêu trên.

d. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự họp, tổng số phiếu bầu của các cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu bầu hợp lệ, không hợp lệ.

Ban Kiểm phiếu công bố toàn văn Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội bao gồm số phiếu và tỉ lệ đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến đối với các nội dung xin ý kiến dưới hình thức biểu quyết, số và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào HĐQT/BKS làm căn cứ xác định kết quả bầu cử.

7. Hội đồng quản trị hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc biểu quyết, bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức dồn phiếu tại từng cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

8. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

9. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

11. Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Người phụ trách công bố thông tin chịu trách nhiệm công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại

hội đồng cổ đông theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

12. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn

Hội đồng quản trị Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các quyết định sau đây của Đại hội đồng cổ đông không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- i. Các nội dung được quy định tại các mục a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp;
- ii. Các vấn đề được quy định tại các mục a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Các ứng viên tham khảo mẫu khai thông tin theo *Phụ lục số 03* kèm theo quy chế này.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Việc đề cử, ứng cử được lập thành văn bản. Cá nhân, tổ chức đề cử/ứng cử tham khảo mẫu theo *Phụ lục số 01* và *Phụ lục số 02* kèm theo quy chế này.

4. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu theo quy định tại Khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh

nghiệp

2. Số lượng và thành phần Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 9. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Điều 10. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tổ chức họp theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

Biên bản họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị, người phụ trách công bố thông tin chịu trách nhiệm thông báo về quyết định

của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Đánh giá và đào tạo thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thông qua:
 - Tự đánh giá bởi bản thân thành viên Hội đồng quản trị, và
 - Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên Hội đồng quản trị với sự phối hợp của một bên thứ ba. Bên thứ ba có thể là thành viên Ban Kiểm soát, cố vấn pháp lý hoặc một nhà tư vấn chuyên nghiệp được quyết định tại từng thời điểm.
2. Việc đánh giá phải được thực hiện ít nhất một năm một lần.
3. Phương pháp đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của Hội đồng quản trị để đánh giá công tác của Hội đồng quản trị hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá.
4. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bí mật.
5. Căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ về Hội đồng quản trị và các thành viên của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều này, các chương trình tập huấn, đào tạo sẽ được tổ chức hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của thành viên Hội đồng quản trị. Các chương trình đào tạo này sẽ cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị các nội dung:
 - Những kỹ năng mới và nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng thời nhận thức rõ hơn các vấn đề liên quan;
 - Tiếp cận kiến thức cập nhật về Quản trị công ty và các vấn đề khác, có cơ hội thảo luận các vấn đề cùng đồng nghiệp và người hướng dẫn;
 - Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả.
 - Các khóa học có liên quan giúp thành viên Hội đồng quản trị hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty

CHƯƠNG 4. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

- a. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

b. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên tương tự như đối với ứng viên thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Việc đề cử, ứng cử được lập thành văn bản. Cá nhân, tổ chức đề cử/ứng cử tham khảo mẫu theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo quy chế này.

Các ứng viên tham khảo mẫu khai thông tin theo Phụ lục số 03 kèm theo quy chế này.

c. Cách thức bầu Kiểm soát viên tương tự cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

d. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 37 Điều lệ Công ty.

e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

f. Hội đồng quản trị, người phụ trách công bố thông tin chịu trách nhiệm thông báo về quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật, quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 20. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

2. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty

Điều 23. Đánh giá và đào tạo thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc đánh giá hoạt động thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện thông qua:

- Tự đánh giá bởi bản thân thành viên Ban Kiểm soát, và
- Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên Ban Kiểm soát với sự phối hợp của một bên thứ ba. Bên thứ ba có thể là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cố vấn pháp lý, hoặc một nhà tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán được quyết định tại từng thời điểm.

2. Việc đánh giá phải được thực hiện ít nhất một năm một lần.

3. Phương pháp đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp riêng của Ban Kiểm soát để đánh giá công tác của Ban Kiểm soát hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá.

4. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bí mật.

5. Căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ về Ban Kiểm soát và các thành viên của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều này, các chương trình tập huấn, đào tạo sẽ được tổ chức hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của thành viên Ban Kiểm soát.

6. Các thành viên Ban Kiểm soát được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo về Kế toán, Kiểm

toán và Quản trị công ty ở các cơ sở đào tạo có uy tín thuộc các hiệp hội ngành nghề chuyên môn.

Điều 24. Thù lao của Ban kiểm soát

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 25. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông.

CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổ chức bộ máy quản lý được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

Điều 27. Người điều hành doanh nghiệp

Cán bộ quản lý được quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành được quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Đào tạo và đánh giá năng lực hoạt động

1. Thành viên của Bộ máy quản lý được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với thành viên Bộ máy quản lý. Quy định này phải bao gồm tối thiểu các nội dung: phương pháp, tần suất, cách thức, trình tự.
3. Hội đồng quản trị cũng có thể dựa vào (i) các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên Bộ máy quản lý và (ii) ý kiến đánh giá của Tổng giám đốc điều hành đối với thành viên Bộ máy quản lý.

Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

- a. Thông tin về quyết định triệu tập, thông báo mời họp, biên bản họp được gửi giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
- b. Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- c. Tổng giám đốc báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các quyết định không thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.
- d. Tổng giám đốc báo cáo việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị.
- e. Tổng giám đốc báo cáo bằng văn bản, thông báo cho Hội đồng quản trị đồng thời cho Ban kiểm soát.

CHƯƠNG 6. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 31. Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành các người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 17 của Quy Chế.
4. Việc đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát được tổ chức thực hiện theo Điều 23 của Quy chế.
5. Việc đánh giá hoạt động Tổng giám đốc điều hành và các thành viên khác của Bộ máy quản lý: được thực hiện theo Điều 29 của Quy Chế này.

Điều 32. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại các Điều 17, Điều 23 và Điều 29 của Quy Chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.
3. Các hình thức khen: do Hội đồng quản trị quy định.
4. Hình thức thưởng:
 - Bằng tiền;
 - Bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn.

Điều 33. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Bộ máy quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổn phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Bộ máy quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 7. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.
4. Công ty được thực hiện giao dịch hàng hóa, dịch vụ với các công ty con, công ty liên kết và các công ty trong cùng tập đoàn. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con, công ty liên kết nếu không có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành.

3. Công ty tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG 8. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 37. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 38. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty thực hiện công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty thực hiện báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 39. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 40. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm đăng ký tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 41. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

CHƯƠNG 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 10. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 43. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 Chương, 43 Điều, được Đại hội đồng Công ty thông qua ngày 27/04/2018 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này thay thế Quy chế Quản trị Công ty năm 2016 được ban hành theo nghị quyết số 1018/2016/QĐ-HDQT ngày 30/12/2016.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
(Chức vụ của người đại diện theo pháp luật)



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Vinh Sơn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS
CÔNG TY CP QUỐC TẾ SƠN HÀ NHIỆM KỲ**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm

Tôi là:

CMND/HC: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu thấp nhất trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm chốt quyền tham dự đại hội:
..... cổ phần

Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, tôi ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT/BKS của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà nhiệm kỳ

Trân trọng.

Người ứng cử

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (*theo Phụ lục 3*).
2. Bản sao hợp lệ CMND/TCC/HC

....., ngày.....tháng năm

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT/BKS
CÔNG TY CP QUỐC TẾ SƠN HÀ NHIỆM KỲ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm

Tôi/chúng tôi là:

TT	Tên cổ đông	Số ĐKSH*	Số lượng CPH**	Chữ ký ***
1				
2				
3				
4				
5				
TỔNG CỘNG				

*Số ĐKSH: số CMND hoặc số hộ chiếu trường hợp là cá nhân, số Đăng ký doanh nghiệp trường hợp là pháp nhân

**Số lượng CPH: số lượng cổ phần sở hữu thấp nhất trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm chốt quyền

*** Nếu người đề cử là pháp nhân, chữ ký là của người đại diện pháp luật và đóng dấu

Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, tôi/chúng tôi đề cử vào vị trí thành viên HĐQT/BKS của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà nhiệm kỳ (các) ứng viên có tên dưới đây:

TT	Tên ứng viên	Số CMND/HC	Ngày cấp	Nơi cấp	Vị trí đề cử
1					
2					
3					

Trân trọng.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo Phụ lục 3)
- Bản sao hợp lệ CMND/TCC/HC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- 1/ Họ và tên:
 2/ Giới tính:
 3/ Ngày tháng năm sinh:
 4/ Nơi sinh:
 5/ CMND/TCC/HC: -----, ngày cấp -----, nơi cấp: -----
 6/ Quốc tịch:
 7/ Dân tộc:
 8/ Địa chỉ thường trú:
 9/ Số điện thoại công ty: : Số điện thoại di động:
 10/ Địa chỉ email:
 11/ Trình độ học vấn:
 12/ Trình độ chuyên môn:
 13/ Quá trình công tác:
 + Từ ... đến ... :
 + Từ ... đến ... :

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức niêm yết):
	13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):
14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm, trong đó: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	16.1 Mối quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ
	16.2 Mối quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức:nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ

- 17/ Những khoản nợ đối với Công ty:
 18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Công chứng chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn

Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)